

Số: /QĐ-SYT

Bình Phước, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đối với Trung Tâm Y tế thị xã Bình Long

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Bình Phước;

Căn cứ vào kết quả thẩm định của Đoàn thẩm định để cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đối với Trung Tâm Y tế thị xã Bình Long;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Trung Tâm Y tế thị xã Bình Long (Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 253/BP-GPHĐ do Sở Y tế Bình Phước cấp ngày 31/12/2021): bổ sung 535 kỹ thuật (chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

Điều 2. Trung Tâm Y tế thị xã Bình Long phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đã được Sở Y tế cho phép và quy trình kỹ thuật chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 3. Các Ông, bà Trưởng Phòng Nghiệp vụ; Chánh Thanh tra, Chánh Văn phòng Sở Y tế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Trung Tâm Y tế thị xã Bình Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- UBND TX Bình Long;
- Giám đốc Sở Y tế;
- Các Phó Giám đốc Sở Y tế;
- Website Sở Y tế;
- Lưu VT, NV (T10.6).

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 1**PHÊ DUYỆT BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT**

Trong khám bệnh, chữa bệnh của Trung Tâm Y tế thị xã Bình Long
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- SYT ngày tháng 6 năm 2025
của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

STT	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1	2.212	02. NỘI KHOA	Nội soi bàng quang chẩn đoán (Nội soi bàng quang không sinh thiết)
2	2.22	02. NỘI KHOA	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)
3	2.229	02. NỘI KHOA	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang
4	3.4114	03. NHI KHOA	Nội soi cắt u bàng quang
5	3.4155	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi khớp gối tạo dây chằng chéo trước endo-button
6	3.2179	03. NHI KHOA	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê
7	3.3961	03. NHI KHOA	Phẫu thuật nội soi nạo V.A
8	3.218	03. NHI KHOA	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ
9	5.1	05. DA LIỄU	Chăm sóc người bệnh Pemphigus nặng
10	5.1	05. DA LIỄU	Điều trị sẩn cục bằng laser CO ₂
11	5.11	05. DA LIỄU	Điều trị bớt sùi bằng laser CO ₂
12	5.3	05. DA LIỄU	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm
13	5.4	05. DA LIỄU	Điều trị sùi mào gà bằng laser CO ₂
14	5.5	05. DA LIỄU	Điều trị hạt cơm bằng laser CO ₂
15	5.51	05. DA LIỄU	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn
16	5.6	05. DA LIỄU	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng laser CO ₂
17	5.7	05. DA LIỄU	Điều trị u mềm treo bằng laser CO ₂
18	5.8	05. DA LIỄU	Điều trị dày sừng da đầu bằng laser CO ₂
19	5.9	05. DA LIỄU	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng laser CO ₂
20	5.8	05. DA LIỄU	Điều trị dày sừng da đầu bằng laser CO ₂
21	5.9	05. DA LIỄU	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng laser CO ₂
22	8.228	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
23	8.229	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị tâm căn suy nhược

24	8.231	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị sa dạ dày
25	8.232	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ châm điều trị hội chứng dạ dày - tá tràng
26	8.233	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị mày đay
27	8.234	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ hỗ trợ điều trị vẩy nến
28	8.235	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị giảm thính lực
29	8.236	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị giảm thị lực
30	8.237	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị hội chứng tự kỷ
31	8.239	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
32	8.247	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị hen phế quản
33	8.25	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
34	8.251	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn
35	8.252	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị thất vận ngôn
36	8.253	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
37	8.254	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
38	8.255	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp
39	8.256	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị khàn tiếng
40	8.257	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị liệt chi trên
41	8.258	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới
42	8.259	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy
43	8.26	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện thuốc lá
44	8.261	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị hỗ trợ cai nghiện rượu
45	8.262	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị viêm mũi xoang
46	8.263	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa
47	8.264	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị táo bón kéo dài
48	8.265	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp
49	8.266	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai
50	8.267	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp
51	8.268	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị đau lưng
52	8.269	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị đái dầm
53	8.27	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ
54	8.271	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt
55	8.272	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị đau bụng kinh
56	8.273	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị sa tử cung
57	8.274	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh
58	8.275	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị di tinh
59	8.276	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cây chỉ điều trị liệt dương

60	8.277	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ
61	8.322	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hội chứng thất lưng-hông
62	8.323	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu
63	8.324	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị mất ngủ
64	8.325	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hội chứng stress
65	8.326	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị nấc
66	8.327	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm
67	8.329	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị béo phì
68	8.33	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
69	8.331	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng
70	8.333	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị trĩ
71	8.335	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị mày đay
72	8.336	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng
73	8.337	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược
74	8.34	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt trẻ em
75	8.341	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em
76	8.342	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em
77	8.343	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
78	8.344	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
79	8.346	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị sa tử cung
80	8.347	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh
81	8.348	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị thống kinh
82	8.349	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt
83	8.35	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đái dầm
84	8.351	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình
85	8.352	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau vai gáy
86	8.353	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hen phế quản
87	8.354	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị huyết áp thấp
88	8.355	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
89	8.356	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
90	8.357	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
91	8.358	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị thất vận ngôn

92	8.359	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau dây V
93	8.36	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống
94	8.361	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não
95	8.362	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp
96	8.363	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị khàn tiếng
97	8.364	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
98	8.365	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt chi trên
99	8.366	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới
100	8.367	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị sụp mí
101	8.369	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá
102	8.37	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu
103	8.371	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang
104	8.372	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa
105	8.373	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau răng
106	8.374	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài
107	8.375	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp
108	8.376	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp
109	8.377	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai
110	8.378	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau lưng
111	8.379	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị sụp mí
112	8.38	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị đau hồ mắt
113	8.382	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị lác cơ năng
114	8.383	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị giảm thị lực
115	8.384	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị viêm bàng quang
116	8.385	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị di tinh
117	8.386	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị liệt dương
118	8.387	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện
119	8.388	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng
120	8.4	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Nhĩ châm
121	8.162	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình
122	8.163	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy
123	8.166	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên
124	8.168	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính

125	8.169	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu
126	8.17	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ
127	8.171	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress
128	8.173	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị nấc
129	8.174	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo
130	8.175	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm hỗ trợ điều trị viêm Amidan
131	8.176	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị béo phì
132	8.177	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
133	8.178	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng dạ dày - tá tràng
134	8.179	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt
135	8.18	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực
136	8.181	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tự kỷ ở trẻ em
137	8.182	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
138	8.183	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị phục hồi chức năng ở trẻ bại não
139	8.189	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng
140	8.192	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh
141	8.193	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn
142	8.194	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V
143	8.195	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
144	8.196	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
145	8.197	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị khàn tiếng
146	8.198	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
147	8.199	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên
148	8.2	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới
149	8.206	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực
150	8.208	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài
151	8.209	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang
152	8.211	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm
153	8.212	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa
154	8.213	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị đau răng

155	8.214	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị nghiện rượu
156	8.215	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp
157	8.216	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai
158	8.217	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp
159	8.218	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng
160	8.219	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị ù tai
161	8.22	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị giảm khứu giác
162	8.221	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị liệt rãnh, đám rối dây thần kinh
163	8.222	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông
164	8.223	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
165	8.224	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do ung thư
166	8.225	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do zona
167	8.226	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh
168	8.227	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện nhĩ châm điều trị chứng tic cơ mặt
169	10.1013	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột gãy xương chậu
170	10.153	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần
171	10.303	10. NGOẠI KHOA	Cắt thận đơn thuần
172	10.306	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi san hô thận
173	10.307	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang
174	10.308	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận
175	10.31	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang
176	10.313	10. NGOẠI KHOA	Dẫn lưu đài bể thận qua da
177	10.315	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận
178	10.316	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật hở lấy sỏi thận sỏi niệu quản + kết hợp nội soi mềm để lấy toàn bộ sỏi
179	10.317	10. NGOẠI KHOA	Dẫn lưu bể thận tối thiểu
180	10.318	10. NGOẠI KHOA	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm
181	10.325	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần
182	10.326	10. NGOẠI KHOA	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại
183	10.335	10. NGOẠI KHOA	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản
184	10.344	10. NGOẠI KHOA	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trocar

185	10.35	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang
186	10.372	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt
187	10.383	10. NGOẠI KHOA	Đặt ống Stent chữa bí đái do phì đại tiền liệt tuyến
188	10.386	10. NGOẠI KHOA	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ
189	10.395	10. NGOẠI KHOA	Cắt tinh mạc
190	10.402	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật vỡ vật hang do gãy dương vật
191	10.463	10. NGOẠI KHOA	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng
192	10.483	10. NGOẠI KHOA	Tháo lồng ruột non
193	10.487	10. NGOẠI KHOA	Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông
194	10.49	10. NGOẠI KHOA	Cắt nhiều đoạn ruột non
195	10.492	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng
196	10.512	10. NGOẠI KHOA	Khâu lỗ thủng đại tràng
197	10.516	10. NGOẠI KHOA	Cắt đoạn đại tràng, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài ổ bụng kiểu Hartmann
198	10.517	10. NGOẠI KHOA	Cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng
199	10.52	10. NGOẠI KHOA	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann
200	10.525	10. NGOẠI KHOA	Làm hậu môn nhân tạo
201	10.528	10. NGOẠI KHOA	Cắt đoạn trực tràng, đóng đầu dưới đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann
202	10.534	10. NGOẠI KHOA	Khâu lỗ thủng, vết thương trực tràng
203	10.548	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch
204	10.566	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)
205	10.571	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản
206	10.608	10. NGOẠI KHOA	Cầm máu nhu mô gan
207	10.609	10. NGOẠI KHOA	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu
208	10.611	10. NGOẠI KHOA	Cắt chỏm nang gan
209	10.616	10. NGOẠI KHOA	Dẫn lưu áp xe gan
210	10.686	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng
211	10.689	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương
212	10.69	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành
213	10.691	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành
214	10.701	10. NGOẠI KHOA	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu
215	10.717	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương (kết hợp xương) gãy xương bả vai

216	10.718	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương bả vai
217	10.721	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương đòn
218	10.722	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp ức đòn
219	10.723	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay
220	10.724	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương cánh tay
221	10.726	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay
222	10.727	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương cánh tay
223	10.728	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương phẫu thuật tạo hình điều trị cứng sau chấn thương
224	10.729	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay phức tạp
225	10.73	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay
226	10.731	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu xương cánh tay
227	10.732	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy rỗng rọc xương cánh tay
228	10.733	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
229	10.735	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu phức tạp
230	10.737	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay
231	10.738	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay phức tạp
232	10.74	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới
233	10.741	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp khớp khuỷu
234	10.744	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ tay
235	10.745	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy chỏm đốt bàn và ngón tay
236	10.746	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân đốt bàn và ngón tay
237	10.747	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay

238	10.748	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tổn thương dây chằng của đốt bàn - ngón tay
239	10.749	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay
240	10.75	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay
241	10.751	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay
242	10.752	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tổn thương gân gấp ở vùng cẳng (Vùng II)
243	10.759	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bán phần chỏm xương đùi
244	10.76	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp chỏm xương đùi - trật háng
245	10.761	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương đùi
246	10.762	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ mấu chuyển xương đùi
247	10.763	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên mấu chuyển xương đùi
248	10.764	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương đùi
249	10.765	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi
250	10.766	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương đùi
251	10.767	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương đùi
252	10.768	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu trong xương đùi
253	10.769	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên và liên lồi cầu xương đùi
254	10.77	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi phức tạp
255	10.771	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Hoffa đầu dưới xương đùi
256	10.773	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp
257	10.774	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè
258	10.777	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hai mâm chày
259	10.778	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày + thân xương chày

260	10.782	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)
261	10.783	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 mắt cá cổ chân
262	10.786	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân
263	10.787	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật xương sên
264	10.788	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót
265	10.789	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật xương gót
266	10.79	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp Lisfranc
267	10.793	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I hai xương cẳng chân
268	10.794	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II hai xương cẳng chân
269	10.795	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III hai xương cẳng chân
270	10.796	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi
271	10.797	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi
272	10.799	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở II thân hai xương cẳng tay
273	10.8	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở III thân hai xương cẳng tay
274	10.801	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I thân xương cánh tay
275	10.802	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II thân xương cánh tay
276	10.803	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III thân xương cánh tay
277	10.804	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay
278	10.805	10. NGOẠI KHOA	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên
279	10.806	10. NGOẠI KHOA	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới
280	10.808	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động
281	10.81	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi

282	10.811	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp
283	10.812	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương thần kinh giữa, thần kinh trụ, thần kinh quay
284	10.813	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật chuyển vật che phủ phần mềm cuống mạch liên
285	10.814	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật chuyển vật che phủ phần mềm cuống mạch rời
286	10.816	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp xương khớp ngón tay
287	10.817	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lõi cầu xương khớp ngón tay
288	10.818	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tạo hình tổn thương dây chằng mạn tính của ngón I
289	10.821	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp đầu dưới xương quay
290	10.822	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật sửa trục điều trị lệch trục sau gãy đầu dưới xương quay
291	10.823	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới
292	10.826	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tái tạo dây chằng bên của ngón 1 bàn tay
293	10.827	10. NGOẠI KHOA	kết hợp xương qua da bằng K.Wire gãy đầu dưới xương quay
294	10.828	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương quay
295	10.829	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật phương pháp Suave.Kapandji và điều trị viêm khớp quay trụ dưới
296	10.83	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert
297	10.833	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ
298	10.834	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay
299	10.835	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh giữa
300	10.836	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh trụ
301	10.837	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh quay
302	10.838	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị liệt thần kinh giữa và thần kinh trụ

303	10.839	10. NGOẠI KHOA	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V
304	10.84	10. NGOẠI KHOA	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II
305	10.841	10. NGOẠI KHOA	Tái tạo phục hồi tổn thương gân gấp 2 thì
306	10.843	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng
307	10.845	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới
308	10.846	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay
309	10.847	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay
310	10.849	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật làm cứng khớp bàn, ngón tay
311	10.85	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay
312	10.851	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay
313	10.857	10. NGOẠI KHOA	Chỉnh hình bệnh co rút nhị đầu và cơ cánh tay trước
314	10.858	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật và điều trị bệnh Dupuytren
315	10.859	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay
316	10.861	10. NGOẠI KHOA	Thương tích bàn tay phức tạp
317	10.865	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân
318	10.866	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon
319	10.867	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương sên và trật khớp
320	10.868	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót
321	10.869	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa
322	10.871	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân
323	10.872	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp dưới sên
324	10.873	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em
325	10.874	10. NGOẠI KHOA	Cụt chấn thương cổ và bàn chân
326	10.875	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước
327	10.876	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I
328	10.878	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên
329	10.88	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau
330	10.882	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu
331	10.883	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè
332	10.884	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi
333	10.885	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille

334	10.886	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles tới muôn
335	10.889	10. NGOẠI KHOA	Chuyển gân điều trị liệt thần kinh mác chung
336	10.892	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật chỉnh hình bàn chân khoèo theo phương pháp PONESETI
337	10.893	10. NGOẠI KHOA	Chuyển vật da cân - cơ cuống mạch liên
338	10.896	10. NGOẠI KHOA	Chỉnh sửa lệch trục chi (chân chữ X, O)
339	10.899	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật trật bánh chè mắc phải
340	10.9	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tứ đầu đùi
341	10.901	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tam đầu cánh tay
342	10.902	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật xơ cứng cơ ức đòn chũm
343	10.903	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật xơ cứng trật khớp gối
344	10.904	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay
345	10.905	10. NGOẠI KHOA	Gãy thân xương cánh tay phẫu thuật phương pháp METAIZEUM
346	10.906	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay
347	10.908	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh
348	10.909	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
349	10.91	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc xương cánh tay
350	10.911	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu
351	10.912	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng khuỷu
352	10.914	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đai quay (Gãy cổ xương quay)
353	10.916	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật trật khớp háng sau chấn thương
354	10.917	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi
355	10.918	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi
356	10.919	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối
357	10.921	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày

358	10.922	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật sửa chữa di chứng gãy, bong sụn tiếp vùng cổ chân
359	10.923	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn vùng cổ xương đùi
360	10.924	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương
361	10.926	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật chỉnh sửa sau gãy xương Cal lệch xương
362	10.928	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tạo hình điều trị cứng gối sau chấn thương
363	10.93	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần
364	10.932	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng
365	10.936	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liên
366	10.937	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật chỉnh bàn chân khèo
367	10.938	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật làm vận động khớp gối
368	10.939	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân
369	10.941	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật sửa trục chi (kết hợp xương bằng nẹp vis, Champon, Kim K.Wire)
370	10.942	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt cụt chi
371	10.943	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật tháo khớp chi
372	10.944	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật xơ cứng đơn giản
373	10.945	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật xơ cứng phức tạp
374	10.946	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật chuyển gân chi (Chuyển gân chày sau, chày trước, cơ mác bên dài)
375	10.947	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm
376	10.948	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương cánh tay
377	10.949	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)
378	10.95	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật làm cứng khớp gối
379	10.951	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật gỡ dính khớp gối
380	10.952	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật sửa móm cụt chi
381	10.953	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật sửa móm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)
382	10.955	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp
383	10.956	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp
384	10.957	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị gãy xương/đặt lại xương trên một vùng chi thể (không sử dụng các phương tiện kết hợp xương)
385	10.958	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật đóng cứng khớp khác

386	10.959	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật chuyên da, cơ che phủ
387	10.96	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật vá da diện tích
388	10.961	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10 cm ²
389	10.962	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật vá da diện tích >10 cm ²
390	10.963	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật nối gân duỗi/kéo dài gân(1 gân)
391	10.964	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật nối gân gấp/kéo dài gân (1 gân)
392	10.965	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu...)
393	10.966	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)
394	10.968	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật ghép xương tự thân
395	10.969	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo
396	10.97	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật lấy bỏ u phần mềm
397	10.972	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật U máu
398	10.975	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật gỡ dính thần kinh
399	10.976	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật chuyển giường thần kinh trụ
400	10.977	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật vá da dày > 1 cm ²
401	10.978	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật vá da mỏng
402	10.979	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật viêm xương
403	10.98	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết
404	10.983	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật vết thương khớp
405	10.985	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann
406	10.987	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0
407	10.988	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X
408	10.989	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi
409	10.99	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi
410	10.991	10. NGOẠI KHOA	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh
411	BS_10.1138	10. NGOẠI KHOA	Bơm thuốc, hóa chất vào bàng quang chữa viêm bàng quang kẽ/hội chứng đau bàng quang
412	BS_10.1151	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật làm to dương vật
413	BS_10.1152	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật làm dài dương vật
414	BS_10.1481	10. NGOẠI KHOA	Tạo hình khúc nối niệu quản – bể thận qua nội soi xuôi dòng (qua da)
415	BS_10.1485	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật đặt thể hang giả dương vật trong điều trị rối loạn cương
416	12.11	12. UNG BƯỚU	Cắt các u lành tuyến giáp
417	13.11	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại
418	13.112	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp

419	13.115	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng
420	13.116	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn
421	13.12	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa
422	13.132	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa
423	13.133	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung
424	13.14	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật tổn thương đường tiêu hóa do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa
425	13.15	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật tổn thương đường tiết niệu do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa
426	13.17	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai
427	13.174	13. PHỤ SẢN	Cắt u vú lành tính
428	13.175	13. PHỤ SẢN	Bóc nhân xơ vú
429	13.19	13. PHỤ SẢN	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng
430	13.2	13. PHỤ SẢN	Gây chuyển dạ bằng thuốc
431	13.202	13. PHỤ SẢN	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh
432	13.223	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ
433	13.235	13. PHỤ SẢN	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ
434	13.237	13. PHỤ SẢN	Hút thai dưới siêu âm
435	13.27	13. PHỤ SẢN	Forceps
436	13.3	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp
437	13.5	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)
438	13.5	13. PHỤ SẢN	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút
439	13.6	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)
440	13.68	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn
441	13.75	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung
442	13.76	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ
443	13.77	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung
444	13.8	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B-lynch...)

445	13.8	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn
446	13.82	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản
447	13.83	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ
448	13.85	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung
449	13.95	13. PHỤ SẢN	Phẫu thuật mở bụng tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng
450	BS_13.242	13. PHỤ SẢN	Theo dõi tim thai
451	BS_13.259	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật đỡ đẻ trên người bệnh nhiễm khuẩn nặng, HPV, HIV, viêm gan nặng, ...
452	BS_13.260	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật đặt bóng cổ tử cung gây chuyển dạ
453	BS_13.261	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật đặt bóng buồng tử cung cầm máu sau đẻ
454	BS_13.262	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật đặt bóng âm đạo cầm máu sau đẻ
455	BS_13.263	13. PHỤ SẢN	Thủ thuật đặt bóng ống cổ tử cung trong cầm máu chữa ống cổ tử cung
456	14.263	14. MẮT	Xác định sơ đồ song thị
457	14.264	14. MẮT	Đo biên độ điều tiết
458	14.276	14. MẮT	Đo độ lồi
459	15.208	15. TAI MŨI HỌNG	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amidan, nạo VA
460	15.156	15. TAI MŨI HỌNG	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng máy (gây mê)
461	15.46	15. TAI MŨI HỌNG	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ
462	16.14	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
463	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
464	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
465	16.193	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn band
466	16.195	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng nâng khớp cắn
467	16.196	16. RĂNG HÀM MẶT	Mài chỉnh khớp cắn
468	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
469	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp
470	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
471	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
472	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)

473	20.58	20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP	Nội soi tiêu hóa với gây mê (dạ dày - đại tràng)
474	20.68	20. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP	Nội soi thực quản - dạ dày, lấy dị vật
475	22.283	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên giấy)
476	22.284	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên thẻ)
477	23.18	23. HÓA SINH	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]
478	23.24	23. HÓA SINH	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu]
479	23.28	23. HÓA SINH	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide) [Máu]
480	23.32	23. HÓA SINH	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]
481	23.33	23. HÓA SINH	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]
482	23.34	23. HÓA SINH	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]
483	23.39	23. HÓA SINH	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]
484	23.43	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ CK-MB ((Isozym MB of Creatine kinase) [Máu]
485	23.63	23. HÓA SINH	Định lượng Ferritin [Máu]
486	23.68	23. HÓA SINH	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]
487	23.69	23. HÓA SINH	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]
488	23.93	23. HÓA SINH	Định lượng IgE (Immunoglobuline E) [Máu]
489	23.138	23. HÓA SINH	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) [Máu]
490	23.139	23. HÓA SINH	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]
491	23.144	23. HÓA SINH	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen) [Máu]
492	23.154	23. HÓA SINH	Định lượng Tg (Thyroglobulin) [Máu]
493	23.161	23. HÓA SINH	Định lượng Troponin I [Máu]
494	23.162	23. HÓA SINH	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]
495	24.119	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAg miễn dịch tự động

496	24.124	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAb định lượng
497	24.129	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBc total miễn dịch tự động
498	24.132	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBeAg miễn dịch tự động
499	24.146	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HCV Ab miễn dịch tự động
500	27.141	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi điều trị hẹp môn vị phì đại
501	27.143	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày - hồng tràng
502	27.147	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày
503	27.167	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng
504	27.174	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
505	27.175	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non + đưa ruột non ra da trên dòng
506	27.176	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi nối tắt ruột non - ruột non
507	27.177	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột
508	27.179	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi mở hồng tràng ra da
509	27.18	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi mở hồi tràng ra da
510	27.181	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật
511	27.183	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi tháo lồng ruột và cố định manh tràng
512	27.212	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo
513	27.26	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan
514	27.261	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt nang gan
515	27.263	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp - xe gan
516	27.272	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kehr

517	27.347	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận qua phúc mạc
518	27.348	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận qua phúc mạc
519	27.349	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc
520	27.35	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc mạc
521	27.355	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser
522	27.365	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản
523	27.366	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản
524	27.371	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản
525	27.396	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi
526	27.398	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính
527	27.398	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính
528	27.399	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến bằng laser
529	27.408	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi tán sỏi niệu đạo
530	27.419	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi viêm phần phụ
531	27.429	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở người bệnh GEU
532	27.431	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Phẫu thuật nội soi cắt góc buồng trứng
533	27.519	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi cắt đốt u lành tuyến tiền liệt qua đường niệu đạo (TURP)
534	27.519	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Nội soi cắt đốt u lành tuyến tiền liệt qua đường niệu đạo (TURP)
535	BS_27.523	27. PHẪU THUẬT NỘI SOI	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi